

## PART 2: CÂU HỎI LỰA CHỌN



# 1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Dạng câu hỏi **Lựa chọn (Alternative question)** yêu cầu người nghe lựa chọn giữa 2 phương án A hay B (**A or B**).

- Dạng câu hỏi **Lựa chọn (Alternative question)** yêu cầu người nghe lựa chọn giữa 2 phương án A hay B (**A or B**).
- Hầu hết các câu hỏi lựa chọn đều là dạng **câu hỏi Yes/ No** (bắt đầu với trợ động từ, động từ tobe hoặc động từ khuyết thiếu). Một vài trường hợp câu hỏi lựa chọn ở dạng câu hỏi 5W1H.

- Dạng câu hỏi **Lựa chọn (Alternative question)** yêu cầu người nghe lựa chọn giữa 2 phương án A hay B (**A or B**).
- Hầu hết các câu hỏi lựa chọn đều là dạng **câu hỏi Yes/ No** (bắt đầu với trợ động từ, động từ tobe hoặc động từ khuyết thiếu). Một vài trường hợp câu hỏi lựa chọn ở dạng câu hỏi 5W1H.  
=> Dấu hiệu để nhận biết câu hỏi lựa chọn là từ **or** (**hoặc, hay là**).

## 2. CÁC ĐÁP ÁN ĐÚNG

## 2.1. Trả lời trực tiếp

### Trả lời với 1 lựa chọn (A hoặc B)

**Q: Did John send the expense sheet by e-mail or regular mail?**

John gửi bảng chi phí bằng email hay thư thường?

**(A) In the printer.**

Trong máy in

**(B) Yes, it's very expensive.**

Vâng, rất đắt đấy.

**(C) Probably by e-mail.**

Hình như bằng email.

## Trả lời cái nào cũng được (A hay B đều được)

- Example 1:

**Q: Should I put the clothes in the dryer or hang them outside?**

Tôi nên cho quần áo vào máy sấy hay treo chúng bên ngoài?

**(A) No, this shirt is too small.**

Không, cái áo này quá nhỏ.

**(B) It's a brand-new hairdryer.**

Đây là một chiếc máy sấy tóc mới tinh.

**(C) Either is fine with me.**

Cái nào cũng được.

**Trả lời cái nào cũng được  
(A hay B đều được)**

- Example 2:

**Q: Would you rather work alone or as a team?**

Bạn muốn làm một mình hay làm theo nhóm?

**(A) Actually, I don't care.**

Thật ra thì tôi không quan tâm.

**(B) I'd rather walk.**

Tôi thích đi bộ hơn.

**(C) Yes, I would.**

Đúng vậy, tôi sẽ.

## 2.2. Trả lời gián tiếp

### Trả lời với một lý do

- Example 1:

**Q: Would you like some ice cream or cake for dessert?**

Bạn muốn ăn kem hay bánh tráng miệng?

**(A) Because I'm hungry.**

Bởi vì tôi không đói.

**(B) Yes, I liked it.**

Vâng, tôi đã thích nó.

**(C) I'm trying to avoid sugar.**

Tôi đang cố gắng kiêng đường.

## 2.2. Trả lời gián tiếp

### Trả lời với một lý do

- Example 1:

**Q: Would you like some ice cream or cake for dessert?**

Bạn muốn ăn kem hay bánh tráng miệng?

**(A) Because I'm hungry.**

Bởi vì tôi không đói.

**(B) Yes, I liked it.**

Vâng, tôi đã thích nó.

**(C) I'm trying to avoid sugar.**

Tôi đang cố gắng kiêng đường.

=> Ý của câu trả lời là **không lựa chọn cả hai**.

## Trả lời với một lý do

- Example 2:

**Q: Have you arranged a ride to take us to the convention center, or should I?**

Anh đã sắp xếp xe đưa chúng ta đến trung tâm hội nghị chưa, hay để tôi?

**(A) Unfortunately, there isn't an extra bag.**

Thật không may, không có dư túi rồi.

**(B) I don't have the phone number for the taxi service.**

Tôi không có số điện thoại xe tắc xi.

**(C) We've accepted credit cards before.**

Chúng tôi đã chấp nhận thẻ tín dụng trước đây rồi.

## Trả lời với một lý do

- Example 2:

**Q: Have you arranged a ride to take us to the convention center, or should I?**

Anh đã sắp xếp xe đưa chúng ta đến trung tâm hội nghị chưa, hay để tôi?

**(A) Unfortunately, there isn't an extra bag.**

Thật không may, không có dư túi rồi.

**(B) I don't have the phone number for the taxi service.**

Tôi không có số điện thoại xe tắc xi.

**(C) We've accepted credit cards before.**

Chúng tôi đã chấp nhận thẻ tín dụng trước đây rồi.

=> Ý của câu trả lời là **lựa chọn thứ hai**.

## Trả lời với một chỉ dẫn

**Q: To get into the building, do I use an ID badge or a passcode?**

Để vào tòa nhà, tôi cần dùng thẻ nhân viên hay mật mã?

**(A) A building next door.**

Một tòa nhà kế bên.

**(B) Enter three-four-three on the keypad.**

Nhập 3-4-3 vào bàn phím.

**(C) The exit is down the hall.**

Lối ra ở cuối hành lang.

## Trả lời với một chỉ dẫn

**Q: To get into the building, do I use an ID badge or a passcode?**

Để vào tòa nhà, tôi cần dùng thẻ nhân viên hay mật mã?

**(A) A building next door.**

Một tòa nhà kế bên.

**(B) Enter three-four-three on the keypad.**

Nhập 3-4-3 vào bàn phím.

**(C) The exit is down the hall.**

Lối ra ở cuối hành lang.

=> Ý của câu trả lời là **lựa chọn thứ hai**.

## Trả lời với một lựa chọn thứ 3

**Q: Are you taking the train or riding the bus to work?**

Bạn sẽ đi tàu hay đi xe buýt đi làm?

**(A) Usually, they're on schedule.**

Thông thường, họ đang đúng tiến độ.

**(B) No, it's a project for work.**

Không, đó là một dự án cho công việc.

**(C) My car's back from the repair shop!**

Xe của tôi được lấy về từ hàng sửa xe rồi!

## Trả lời với một lựa chọn thứ 3

**Q: Are you taking the train or riding the bus to work?**

Bạn sẽ đi tàu hay đi xe buýt đi làm?

**(A) Usually, they're on schedule.**

Thông thường, họ đang đúng tiến độ.

**(B) No, it's a project for work.**

Không, đó là một dự án cho công việc.

**(C) My car's back from the repair shop!**

Xe của tôi được lấy về từ hàng sửa xe rồi!

=> Ý của câu trả lời là **không** lựa chọn cả hai mà có **một** lựa chọn khác.

- Example 1:

**Q: Can you give me a hand now, or should I ask again later?**

Bây giờ bạn có thể giúp tôi được không, hay lát nữa tôi sẽ hỏi lại?

**(A) Please hand out these flyers.**

Hãy phân phát những tờ quảng cáo này.

**(B) How about after lunch?**

Sau bữa trưa được không?

**(C) It's my pleasure.**

Rất hân hạnh.

## Trả lời với một câu hỏi lại

- Example 1:

**Q: Can you give me a hand now, or should I ask again later?**

Bây giờ bạn có thể giúp tôi được không, hay lát nữa tôi sẽ hỏi lại?

**(A) Please hand out these flyers.**

Hãy phân phát những tờ quảng cáo này.

**(B) How about after lunch?**

Sau bữa trưa được không?

**(C) It's my pleasure.**

Rất hân hạnh.

=> Ý của câu trả lời là **lựa chọn thứ 2**.

=> Câu hỏi **How about.../ What about...** là cách thông dụng để **gợi ý/ hỏi ý kiến**.

## Trả lời với một câu hỏi lại

- Example 2:

**Q: Do you want to fly or drive to the trade show?**

Anh muốn đi máy bay hay lái xe đến hội chợ thương mại?

**(A) The new French film is showing tonight.**

Phim mới của Pháp sẽ chiếu tối nay.

**(B) That's a positive trend.**

Đó là một xu hướng tích cực.

**(C) Where is it this year?**

Năm nay nó (tổ chức) ở đâu?

## Trả lời với một câu hỏi lại

- Example 2:

**Q: Do you want to fly or drive to the trade show?**

Anh muốn đi máy bay hay lái xe đến hội chợ thương mại?

**(A) The new French film is showing tonight.**

Phim mới của Pháp sẽ chiếu tối nay.

**(B) That's a positive trend.**

Đó là một xu hướng tích cực.

**(C) Where is it this year?**

Năm nay nó (tổ chức) ở đâu?

=> Câu trả lời chưa đưa ra được lựa chọn vì cần thêm thông tin.

### 3. CÁC ĐÁP ÁN SAI

- **Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No**

**Q: Did John send the expense sheet by e-mail or regular mail?**

John gửi bảng chi phí bằng email hay thư thường?

**A: Yes, it's very expensive.**

Vâng, nó rất đắt đấy.

**Q: Should I put the clothes in the dryer or hang them outside?**

Tôi nên cho quần áo vào máy sấy khô hay treo chúng bên ngoài?

**A: No, this shirt is too small.**

Không, cái áo này quá nhỏ.

- **Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No**

**Q: Did John send the expense sheet by e-mail or regular mail?**

John gửi bảng chi phí bằng email hay thư thường?

**A: Yes, it's very expensive.**

Vâng, nó rất đắt đấy.

**Q: Should I put the clothes in the dryer or hang them outside?**

Tôi nên cho quần áo vào máy sấy khô hay treo chúng bên ngoài?

**A: No, this shirt is too small.**

Không, cái áo này quá nhỏ.

=> Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No để bày tỏ ý đồng tình/ phản đối với câu hỏi, không phải để đưa ra lựa chọn => LOẠI.

- **Câu trả lời có từ lặp lại hoặc phát âm gần giống từ trong câu hỏi (từ lặp lại không phải 1 trong 2 lựa chọn)**

**Q: To get into the **building**, do I use an ID badge or a passcode?**

Để vào tòa nhà, tôi cần dùng thẻ nhân viên hay mật mã?

**A: A **building** next door.** => Lặp từ hoàn toàn

Một tòa nhà kế bên.

- **Câu trả lời có từ lặp lại hoặc phát âm gần giống từ trong câu hỏi (từ lặp lại không phải 1 trong 2 lựa chọn)**

**Q: To get into the **building**, do I use an ID badge or a passcode?**

Để vào tòa nhà, tôi cần dùng thẻ nhân viên hay mật mã?

**A: A **building** next door.** => Lặp từ hoàn toàn

Một tòa nhà kế bên.

**Q: Do you want to fly or drive to the trade **show**?**

Anh muốn đi máy bay hay lái xe đến hội chợ thương mại?

**A: The new French film is **showing** tonight.** => Lặp từ nhưng khác nghĩa

Phim mới của Pháp sẽ chiếu tối nay.

- **Câu trả lời có từ lặp lại hoặc phát âm gần giống từ trong câu hỏi (từ lặp lại không phải 1 trong 2 lựa chọn)**

**Q: To get into the **building**, do I use an ID badge or a passcode?**

Để vào tòa nhà, tôi cần dùng thẻ nhân viên hay mật mã?

**A: A **building** next door.** => Lặp từ hoàn toàn

Một tòa nhà kế bên.

**Q: Do you want to fly or drive to the trade **show**?**

Anh muốn đi máy bay hay lái xe đến hội chợ thương mại?

**A: The new French film is **showing** tonight.** => Lặp từ nhưng khác nghĩa

Phim mới của Pháp sẽ chiếu tối nay.

=> 2 ví dụ trên đều có từ ở câu hỏi được lặp lại trong câu trả lời nhưng câu trả lời lại không liên quan đến câu hỏi. => LOẠI

**Lưu ý:** Hầu hết các trường hợp, đề bài cố tình đưa yếu tố lặp từ vào câu trả lời để đánh lừa người nghe đó là đáp án đúng, nhưng cần lưu ý là không phải lúc nào câu trả lời có chứa từ giống với câu hỏi cũng là đáp án sai.

# LUYỆN TẬP



**Q: Should I reserve the meeting room for one hour or two?**

=> Câu hỏi có từ or => câu hỏi lựa chọn

Dịch: Tôi nên đặt phòng họp cho 1 hay 2 giờ?

**Q: Should I reserve the meeting room for one hour or two?**

Tôi nên đặt phòng họp cho 1 hay 2 giờ?

**(A) Our agenda is very short.**

Dịch: Chương trình của chúng ta rất ngắn = chúng ta nên giữ phòng họp trong 1 giờ thôi => Chọn

**Q: Should I reserve the meeting room for one hour or two?**

Tôi nên đặt phòng họp cho 1 hay 2 giờ?

**(A) Our agenda is very short.**

Dịch: Chương trình của chúng ta rất ngắn = chúng ta nên giữ phòng họp trong 1 giờ thôi => Chọn

**(B) We could open the window.**

Chúng ta có thể mở cửa sổ. => Không liên quan => Loại

**Q: Should I reserve the meeting room for one hour or two?**

Tôi nên đặt phòng họp cho 1 hay 2 giờ?

**(A) Our agenda is very short.**

Dịch: Chương trình của chúng ta rất ngắn = chúng ta nên giữ phòng họp trong 1 giờ thôi => Chọn

**(B) We could open the window.**

Chúng ta có thể mở cửa sổ. => Không liên quan => Loại

**(C) No, I haven't had a chance.**

Bắt đầu với No => Loại

**Q: Should I reserve the meeting room for one hour or two?**

Tôi nên đặt phòng họp cho 1 hay 2 giờ?

**(A) Our agenda is very short.**

Chương trình của chúng ta rất ngắn

**(B) We could open the window.**

Chúng ta có thể mở cửa sổ.

**(C) No, I haven't had a chance.**

Không, tôi chưa từng có cơ hội.